BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4087 /QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng cho sinh viên các lớp chất lượng cao Học kỳ I năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2723/QĐ-ĐHLHN ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định 830/QĐ-ĐHLHN ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định cấp học bổng cho sinh viên thuộc Chương trình chất lượng cao ngành Luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng học kỳ I năm học 2022 - 2023 cho 162 sinh viên các lớp chất lượng cao Khóa 44, 45, 46 và 47, cụ thể như sau:

- 31 sinh viên lớp chất lượng cao Khóa 44, trong đó có 04 sinh viên đạt học bổng loại 1, 09 sinh viên đạt học bổng loại 2 và 18 sinh viên đạt học bổng loại 3.
- 34 sinh viên lớp chất lượng cao Khóa 45, trong đó có 04 sinh viên đạt học bổng loại 1, 10 sinh viên đạt học bổng loại 2 và 20 sinh viên đạt học bổng loại 3.
- 44 sinh viên lớp chất lượng cao Khóa 46, trong đó có 05 sinh viên đạt học bổng loại 1, 13 sinh viên đạt học bổng loại 2 và 26 sinh viên đạt học bổng loại 3.
- 53 sinh viên lớp chất lượng cao Khóa 47, trong đó có có 07 sinh viên đạt học bổng loại 1, 16 sinh viên đạt học bổng loại 2 và 30 sinh viên đạt học bổng loại 3.

(có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Việc chi trả học bổng cho sinh viên được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực

Điều 3. Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đảng ủy (để b/cáo);
- Hội đồng Trường (để b/cáo);
- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Cổng thông tin điện tử (để đưa tin);
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Tô Văn Hòa

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	443139	Lê Hải	An	4431	15		9.50		94.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	443232	Vũ Quang	Trung	4432	16		9.41		94.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	443406	Trương Tấn	Dũng	4434	15		9.23		90.00	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	443210	Phạm Mỹ	Linh	4432	16		9.20		86.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
5	443113	Vũ Thị Mai	Chinh	4431	15		9.17		89.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
6	443122	Trần Ngọc	Minh	4431	15		9.17		84.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	443229	Trịnh Phạm	Tuyên	4432	16		9.16		90.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	443241	Phạm Thị Cẩm	Chuyên	4432	16		9.16		80.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	443444	Đào Thị Khánh	Linh	4434	15		9.15		89.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	443329	Đoàn Hữu	Kiên	4433	15		9.13		96.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	443231	Trần Thanh	Thảo	4432	16		9.11		95.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
12	443233	Đào Mỹ	Anh	4432	16		9.11		94.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
13	443446	Hoàng Minh	Nguyệt	4434	15		9.11		94.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
14	443413	Nguyễn Thanh	Hiền	4434	15		9.07		95.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
15	443213	Phùng Nguyễn Tú	Uyên	4432	16		9.04		92.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
16	443408	Nguyễn Mai	Hạnh	4434	15		9.04		91.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
17	443203	Đinh Nguyễn Lan	Nhi	4432	16		9.04		85.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
18	443420	Nguyễn Nhật	ánh	4434	15		9.04		83.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
19	443415	Nguyễn Vũ Trang	Nhung	4434	15		9.02		92.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	443419	Phạm Thúy	Quỳnh	4434	15		9.02		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	443204	Nguyễn Nữ Phương	Thùy	4432	16		9.01		93.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	443417	Vũ Thanh	Thùy	4434	15		9.01		92.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	443212	Đinh Phạm Phương	Thảo	4432	16		8.99		86.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	441760	Nguyễn Bá Duy	Anh	4434	18		8.99		81.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
25	443418	Hà Minh	Anh	4434	15		8.98		92.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
26	443316	Nguyễn Quỳnh Xuân	Mai	4433	15		8.98		91.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
27	443414	Đỗ Minh	Châu	4434	15		8.98		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
28	443341	Trần Lê Ngọc	Linh	4433	15		8.97		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
29	443141	Quản Lâm	Anh	4431	15		8.96		88.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
30	443134	Trần Mai	Anh	4431	15		8.95		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
31	443112	Hoàng Minh	Đức	4431	15		8.95		90.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng								***159 500 000***		***159 500 000***	

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	453310	Phan Thị Hà	Linh	4533	17		9.28		96.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	453629	Nguyễn An	Khánh	4536	17		9.07		92.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	453546	Nguyễn Mai	Hà	4535	17		9.02		90.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	453054	Lê Phương	Anh	4536	17		8.99		83.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
5	453637	Ngô Hà	Anh	4536	17		8.93		92.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
6	453319	Hoàng Khôi	Nguyên	4533	17		8.91		87.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	453544	Trần Ngọc Minh	Châu	4535	17		8.90		86.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	453439	Lê Phương	Nga	4534	17		8.86		90.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	453434	Đặng Thanh	Tâm	4534	17		8.85		94.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	453636	Lê Hồng	Lam	4536	17		8.84		93.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	453402	Nguyễn Thục	Anh	4534	17		8.84		92.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
12	453547	Lê Hồng	Anh	4535	17		8.82		93.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
13	453541	Nguyễn Thu	Thanh	4535	17		8.82		90.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
14	453607	Vũ Diệu	Linh	4536	17		8.81		87.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
15	453302	Nguyễn Tường	Uyên	4533	17		8.80		87.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
16	453548	Nguyễn Huy	Mạnh	4535	17		8.79		87.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
17	453346	Nguyễn Thảo	Vân	4533	17		8.76		94.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
18	453345	Phùng Mai	Phương	4533	17		8.76		89.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
19	453344	Nguyễn Phước Ngọc	Quế	4533	17		8.75		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	453543	Khổng Thành	Duy	4535	17		8.74		89.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	453338	Nguyễn Hà	Vy	4533	17		8.73		88.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	453534	Nguyễn Hà Ngọc	Anh	4535	17		8.72		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	453314	Lê Thị Trà	My	4533	17		8.72		87.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	453606	Đặng Ngọc	ánh	4536	17		8.71		84.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
25	453321	Nguyễn Minh	ánh	4533	17		8.70		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
26	453401	Võ Minh	Trang	4534	17		8.70		87.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
27	453540	Nguyễn Quỳnh	Anh	4535	17		8.70		82.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
28	453313	Trần Ngọc	Hà	4533	17		8.68		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
29	453317	Phạm Đức	Minh	4533	17		8.68		89.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
30	453545	Nguyễn Ngọc	Bích	4535	17		8.67		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
31	453520	Hồ Hà	Uyên	4535	17		8.66		88.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
32	453535	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4535	17		8.66		88.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
33	453441	Trần Thanh	Thảo	4534	17		8.66		84.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
34	453530	Hoàng Phương	Thảo	4535	17		8.65		91.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng								***173 000 000***		***173 000 000***	✓

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	462734	Vũ Hạnh	Quyên	4627	17		9.06		90.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	462733	Trần Lan	Phương	4627	17		8.98		86.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	462912	Nguyễn Quỳnh	Hoa	4629	17		8.95		90.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	462810	Trần Thị Lam	Giang	4628	17		8.94		90.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
5	463217	Nguyễn Thùy	Linh	4632	17		8.87		90.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
6	463219	Hồ Hải	Long	4632	17		8.85		92.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	463116	Nguyễn Hà Khánh	Linh	4631	17		8.84		97.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	463226	Phan Từ Hiếu	Ngân	4632	17		8.84		88.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	463224	Trần Duy	Minh	4632	17		8.82		88.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	463122	Đặng Trần Minh	Ngọc	4631	17		8.80		94.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	462823	Phạm Thị Hà	Ly	4628	17		8.80		93.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
12	462833	Bùi Đông Nguyên	Phương	4628	17		8.79		92.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
13	462736	Đỗ Minh	Thành	4627	17		8.78		90.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
14	463222	Nguyễn Xuân	Mai	4632	17		8.78		88.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
15	463225	Nguyễn Hà	My	4632	17		8.76		90.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
16	462704	Nguyễn Nhật	Anh	4627	17		8.75		94.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
17	463215	Nguyễn Khánh	Linh	4632	17		8.74		88.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
18	463214	Kiều Ngọc Hoàng	Liên	4632	17		8.74		85.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
19	463027	Nguyễn Kim	Ngân	4630	17		8.73		93.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	463230	Đoàn Trang	Nhung	4632	17		8.72		92.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	462915	Trần Minh	Khoa	4629	17		8.72		88.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	462802	Đặng Phương	Anh	4628	17		8.71		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	463110	Hoàng Thị Hải	Hà	4631	17		8.69		94.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	462730	Lê Quang	Nhật	4627	17		8.69		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
25	462937	Trịnh Thu	Trang	4629	17		8.69		88.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
26	463024	Nguyễn Ngọc Quang	Minh	4630	17		8.66		92.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
27	463127	Đỗ Bình Khánh	Ninh	4631	17		8.65		90.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
28	462727	Nguyễn Thị Thu	Minh	4627	17		8.65		87.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
29	463126	Trần Phương	Nguyên	4631	17		8.64		95.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
30	462728	Nguyễn Thị Trà	My	4627	17		8.64		92.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
31	462832	Nguyễn Như	Phan	4628	17		8.64		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
32	463003	Hồ Vũ Quỳnh	Anh	4630	17		8.64		90.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
33	462702	Lê Châu	Anh	4627	17		8.63		90.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
34	462910	Mai Ngọc	Hà	4629	17		8.62		97.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
35	462837	Vũ Phương	Thảo	4628	17		8.62		94.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
36	462824	Vũ Thị Ngọc	Mai	4628	17		8.62		91.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
37	462839	Nguyễn Doãn	Tùng	4628	17		8.61		92.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
38	463135	Nguyễn Thị Minh	Thư	4631	17		8.61		91.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
39	463021	Nguyễn Quỳnh	Mai	4630	17		8.61		88.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
40	462803	Phạm Đức	Anh	4628	17		8.61		87.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4037 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
41	462921	Trần Ngọc	Mai	4629	17		8.59		88.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
42	462838	Lê Thùy	Trang	4628	17		8.59		86.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
43	462806	Đinh Khánh	Chi	4628	17		8.58		88.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
44	462818	Đinh Khánh	Linh	4628	17		8.58		88.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng								***223 000 000***		***223 000 000***	

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	473228	Đặng Ngọc	Long	4732	22		9.34		94.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	473108	Đỗ Lam	Phong	4731	22		9.15		92.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	472928	Phạm Nguyễn Phương	Anh	4729	22		9.14		94.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	473225	Nguyễn Thu	Giang	4732	22		9.07		86.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
5	473330	Vũ Phạm Minh	Hà	4733	22		9.07		82.50	9 500 000		9 500 000	Loại 1
6	472901	Phạm Châu Việt	Hương	4729	22		9.03		87.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	473038	Dương Hồ Quỳnh	Anh	4730	22		9.01		91.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	472904	Hoàng Lê Vân	Anh	4729	22		8.91		72.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	473136	Nguyễn Phương	Anh	4731	22		8.90		94.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	473102	Nguyễn Giang	Nam	4731	22		8.90		84.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	473116	Phương Đức	Hiếu	4731	22		8.90		82.75	6 500 000		6 500 000	Loại 2
12	473021	Phạm Minh	Châu	4730	22		8.88		90.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
13	473203	Trần Khải	Minh	4732	22		8.88		72.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
14	473327	Nguyễn Hương	Trà	4733	22		8.85		88.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
15	472911	Nguyễn Khánh	Hòa	4729	19		8.84		86.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
16	473222	Nguyễn Phương	Anh	4732	22		8.81		92.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
17	473303	Lã Vũ Trà	My	4733	22		8.81		90.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
18	473410	Vũ Hoàng Minh	Anh	4734	22		8.81		84.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
19	473314	Phan Ngọc	Nhi	4733	22		8.81		82.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	473133	Nguyễn Quốc	Dũng	4731	22		8.81		71.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4087 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	472916	Nguyễn Trâm	Anh	4729	22		8.80		86.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	473305	Nguyễn Thị An	Bình	4733	22		8.79		90.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	473036	Phạm Đức	Anh	4730	22		8.77		90.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	473217	Hoàng Hà	Ngân	4732	22		8.77		84.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
25	473208	Vũ Ngọc Lam	Vy	4732	22		8.75		85.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
26	473134	Trần Quang	Thanh	4731	22		8.73		77.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
27	473226	Đỗ Thùy Vy	Thảo	4732	22		8.72		93.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
28	473118	Vũ Hà Bảo	Châu	4731	22		8.71		72.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
29	473138	Phạm Ngọc	Anh	4731	22		8.69		80.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
30	473201	Trần Đức	Mạnh	4732	22		8.68		77.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
31	473317	Nguyễn Huy	Anh	4733	19		8.67		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
32	472927	Vũ Thị Hồng	Hà	4729	22		8.66		83.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
33	473130	Nguyễn Thanh Thủy	Tiên	4731	19		8.65		91.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
34	473014	Nguyễn Thái	Bình	4730	22		8.63		88.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
35	473415	Bùi Kiều	Oanh	4734	19		8.62		94.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
36	472925	Nguyễn Lưu Thu	Trang	4729	22		8.62		86.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
37	472936	Trần Khánh	Linh	4729	22		8.58		89.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
38	472902	Phạm Thùy	Dương	4729	22		8.58		74.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
39	472918	Bùi Hà	Anh	4729	19		8.56		85.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
40	473332	Nguyễn Thạch Trang	Anh	4733	22		8.55		96.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3

	Tổng							206 000 000	206 000 000	✓

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I NĂM HỌC : 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 4077 /QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành : Chất lượng cao Luật KT

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	473501	Phạm Phương	Linh	4735	21		9.25		95.00	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	473502	Nguyễn Xuân	Thịnh	4735	21		9.14		95.00	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	473509	Nguyễn Việt	Bách	4735	21		9.10		95.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
4	473547	Đinh Xuân	Phong	4735	21		9.08		90.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
5	473513	Nguyễn Hà	Chi	4735	21		9.03		90.00	6 500 000		6 500 000	Loại 2
6	473540	Phạm Nhật Linh	Chi	4735	21		8.96		90.50	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	473543	Trương Cẩm	Tú	4735	21		8.84		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
8	473558	Võ Thị Cẩm	Tú	4735	21		8.83		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
9	473532	Đinh Phạm Minh	Nghĩa	4735	16		8.82		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
10	473504	Ninh Bảo	Kỳ	4735	21		8.80		93.00	3 500 000		3 500 000	Loại 3
11	473541	Trần Bình	Nhi	4735	21		8.78		91.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
12	473506	Lê Thị Minh	Hằng	4735	21		8.78		90.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
13	473529	Lê Quý	Nhân	4735	21		8.75		86.50	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng								***69 500 000***		***69 500 000***	✓

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP CLC HƯỞNG HỌC BỔNG K44
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Theo Quyết định số 4087/QĐ-ĐHLHN ngày 21/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã sv	Họ tên	Số tài khoản	Số tiền	Ghi chú
1	443139	LE HAI AN	032779030001	9,500,000	NH Liên Việt
2	443232	VU QUANG TRUNG	032780590001	9,500,000	NH Liên Việt
3	443406	TRUONG TAN DUNG	032785090001	9,500,000	NH Liên Việt
4	443210	PHAM MY LINH	032779120001	9,500,000	NH Liên Việt
5	443113	VŨ THỊ MAI CHINH	028139680009	6,500,000	NH Liên Việt
6	443122	TRAN NGOC MINH	032777760001	6,500,000	NH Liên Việt
7	443229	TRINH PHAM TUYEN	032780560001	6,500,000	NH Liên Việt
8	443241	PHAM THI CAM CHUYEN	032788160001	6,500,000	NH Liên Việt
9	443444	DAO THI KHANH LINH	032768350001	6,500,000	NH Liên Việt
10	443329	ĐOÀN HỮU KIÊN	039061080001	6,500,000	NH Liên Việt
11	443231	TRAN THANH THAO	032780580001	6,500,000	NH Liên Việt
12	443233	DAO MY ANH	032780600001	6,500,000	NH Liên Việt
13	443446	HOÀNG MINH NGUYỆT	039057610001	6,500,000	NH Liên Việt
14	443413	NGUYỄN THANH HIỀN	004317380002	3,500,000	NH Liên Việt
15	443213	PHUNG NGUYEN TU UYEN	032785750001	3,500,000	NH Liên Việt
16	443408	NGUYEN MAI HANH	032785100001	3,500,000	NH Liên Việt
17	443203	DINH NGUYEN LAN NHI	032773320001	3,500,000	NH Liên Việt
18	443420	NGUYEN NHAT ANH	032787090001	3,500,000	NH Liên Việt
19	443415	NGUYỄN VŨ TRANG NHUNG	044360640001	3,500,000	NH Liên Việt
20	443419	PHAM THUY QUYNH	032787080001	3,500,000	NH Liên Việt
21	443204	NGUYEN NU PHUONG THUY	032773330001	3,500,000	NH Liên Việt
22	443417	VU THANH THUY	032785200001	3,500,000	NH Liên Việt
23	443212	DINH PHAM PHUONG THAO	032785740001	3,500,000	NH Liên Việt
24	441760	NGUYEN BA DUY ANH	032783880001	3,500,000	NH Liên Việt
25	443418	HA MINH ANH	032787070001	3,500,000	NH Liên Việt
26	443316	NGUYEN QUYNH XUAN MAI	032790790001	3,500,000	NH Liên Việt
27	443414	DO MINH CHAU	032785170001	3,500,000	NH Liên Việt
28	443341	TRAN LE NGOC LINH	032792450001	3,500,000	NH Liên Việt
29	443141	QUAN LAM ANH	032779040001	3,500,000	NH Liên Việt
30	443134	TRAN MAI ANH	032779000001	3,500,000	NH Liên Việt
31	443112	HOANG MINH DUC	032777650001	3,500,000	NH Liên Việt
				159,500,000	

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
Nguyễn Kim Thủy	Phạm Thị Hà	Đoàn Trung Kiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Xác nhận của ngân hàng 04/10/2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP CLC HƯỞNG HỌC BỔNG K45
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Theo Quyết định số 4087/QĐ-ĐHLHN ngày 21/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã sv	Họ tên	Số tài khoản	Số tiền	Ghi chú
1	453310	PHAN THI HA LINH	16010000488833	9,500,000	BIDV
2	453629	NGUYEN AN KHANH	12510002045219	9,500,000	BIDV
3	453546	NGUYEN MAI HA	50210000285744	9,500,000	BIDV
4	453054	LE PHUONG ANH	12510002038653	9,500,000	BIDV
5	453637	NGO HA ANH	12510002045112	6,500,000	BIDV
6	453319	HOÀNG KHÔI NGUYÊN	26110002902469	6,500,000	BIDV
7	453544	TRAN NGOC MINH CHAU	12510002032424	6,500,000	BIDV
8	453439	LE PHUONG NGA	12510002041730	6,500,000	BIDV
9	453434	DANG THANH TAM	12510002041624	6,500,000	BIDV
10	453636	LÊ HỒNG LAM	50110001809894	6,500,000	BIDV
11	453402	NGUYEN THUC ANH	12510002041642	6,500,000	BIDV
12	453547	LE HONG ANH	12510002032415	6,500,000	BIDV
13	453541	NGUYEN THU THANH	12510002032406	6,500,000	BIDV
14	453607	VU DIEU LINH	12510002044951	6,500,000	BIDV
15	453302	NGUYEN TUONG UYEN	12510002039832	3,500,000	BIDV
16	453548	NGUYỄN HUY MẠNH	43210001316373	3,500,000	BIDV
17	453346	NGUYỄN THẢO VÂN	12510002039850	3,500,000	BIDV
18	453345	PHUNG MAI PHUONG	12510002035034	3,500,000	BIDV
19	453344	NGUYEN PHUOC NGOC QUE	12510002035043	3,500,000	BIDV
20	453543	KHONG THANH DUY	12510002037748	3,500,000	BIDV
21	453338	NGUYEN HA VY	12510002057214	3,500,000	BIDV
22	453534	NGUYEN HA NGOC ANH	12510002037720	3,500,000	BIDV
23	453314	LE THI TRA MY	12510002034961	3,500,000	BIDV
24	453606	DANG NGOC ANH	12510002044960	3,500,000	BIDV
25	453321	NGUYEN MINH ANH	12510002039805	3,500,000	BIDV
26	453401	VÕ MINH TRANG	12510002041448	3,500,000	BIDV
27	453540	NGUYEN QUYNH ANH	12510002043134	3,500,000	BIDV
28	453313	TRAN NGOC HA	12510002035007	3,500,000	BIDV
29	453317	PHAM DUC MINH	12510000000009	3,500,000	BIDV
30	453545	NGUYEN NGOC BICH	42510001510012	3,500,000	BIDV
31	453520	HO HA UYEN	21710001136280	3,500,000	BIDV
32	453535	NGUYEN THI THUY TRANG	12510002037775	3,500,000	BIDV
33	453441	TRAN THANH THAO	21310000877418	3,500,000	BIDV
34	453530	HOANG PHUONG THAO	50210000284945	3,500,000	BIDV
				173,000,000	

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
Nguyễn Kim Thủy	Phạm Thị Hà	Đoàn Trung Kiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Xác nhận của ngân hàng 04/10/2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP CLC HƯỞNG HỌC BỔNG K46, 47
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

(Theo Quyết định số 4087/QĐ-ĐHLHN ngày 21/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật HN)

STT	Mã sv	Họ tên	Số tài khoản	Số tiền	Ghi chú
1	462734	VŨ HẠNH QUYÊN	1024169438	9,500,000	VCB
2	462733	TRẦN LAN PHƯƠNG	1024168841	9,500,000	VCB
3	462912	NGUYỄN QUỲNH HOA	1024368979	9,500,000	VCB
4	462810	TRẦN THỊ LAM GIANG	1024168893	9,500,000	VCB
5	463217	NGUYỄN THÙY LINH	1024369005	9,500,000	VCB
6	463219	HỒ HẢI LONG	1024697839	6,500,000	VCB
7	463116	NGUYỄN HÀ KHÁNH LINH	1024368714	6,500,000	VCB
8	463226	PHAN TỪ HIẾU NGÂN	1024369179	6,500,000	VCB
9	463224	TRẦN DUY MINH	1024368976	6,500,000	VCB
10	463122	ĐẶNG TRẦN MINH NGỌC	1024168747	6,500,000	VCB
11	462823	PHẠM THỊ HÀ LY	1024369207	6,500,000	VCB
12	462833	BÙI ĐÔNG NGUYÊN PHƯƠNG	1024169423	6,500,000	VCB
13	462736	ĐỖ MINH THÀNH	1024168796	6,500,000	VCB
14	463222	NGUYỄN XUÂN MAI	1024369655	6,500,000	VCB
15	463225	NGUYỄN HÀ MY	1024369006	6,500,000	VCB
16	462704	NGUYỄN NHẬT ANH	1024169651	6,500,000	VCB
17	463215	NGUYỄN KHÁNH LINH	1024369150	6,500,000	VCB
18	463214	KIỀU NGỌC HOÀNG LIÊN	1024169853	6,500,000	VCB
19	463027	NGUYỄN KIM NGÂN	1024169653	3,500,000	VCB
20	463230	ĐOÀN TRANG NHUNG	1024171544	3,500,000	VCB
21	462915	TRẦN MINH KHOA	1024168798	3,500,000	VCB
22	462802	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	1024368973	3,500,000	VCB
23	463110	HOÀNG THỊ HẢI HÀ	1024169480	3,500,000	VCB
24	462730	LÊ QUANG NHẬT	1024301068	3,500,000	VCB
25	462937	TRỊNH THU TRANG	1024301074	3,500,000	VCB
26	463024	NGUYỄN NGỌC QUANG MINH	1024368950	3,500,000	VCB
27	463127	ĐỖ BÌNH KHÁNH NINH	1024368784	3,500,000	VCB
28	462727	NGUYỄN THỊ THU MINH	1024169439	3,500,000	VCB
29	463126	TRẦN PHƯƠNG NGUYÊN	1024168850	3,500,000	VCB
30	462728	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	1024300755	3,500,000	VCB
31	462832	NGUYỄN NHƯ PHAN	1024369004	3,500,000	VCB
32	463003	HỒ VŨ QUỲNH ANH	1024697976	3,500,000	VCB
33	462702	LÊ CHÂU ANH	1024697844	3,500,000	VCB
34	462910	MAI NGỌC HÀ	1024697707	3,500,000	VCB
35	462837	VŨ PHƯƠNG THẢO	1024169442	3,500,000	VCB
36	462824	VŨ THỊ NGỌC MAI	1024169174	3,500,000	VCB
37	462839	NGUYỄN DOÃN TÙNG	1024168845	3,500,000	VCB
38	463135	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	1024170968	3,500,000	VCB
39	463021	NGUYỄN QUỲNH MAI	1024169748	3,500,000	VCB
40	462803	PHẠM ĐỨC ANH	1024369175	3,500,000	VCB
41	462921	TRẦN NGỌC MAI	1024169920	3,500,000	VCB
42	462838	LÊ THÙY TRANG	1024169923	3,500,000	VCB
43	462806	ĐINH KHÁNH CHI	1024170409	3,500,000	VCB
44	462818	ĐINH KHÁNH LINH	1024168283	3,500,000	VCB

45	473228	ĐẶNG NGỌC LONG	1032642696	9,500,000	VCB
46	473108	ĐỖ LAM PHONG	1032646196	9,500,000	VCB
47	472928	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG ANH	1032646033	9,500,000	VCB
48	473225	NGUYỄN THU GIANG	1032642714	9,500,000	VCB
49	473330	VŨ PHẠM MINH HÀ	1032429028	9,500,000	VCB
50	472901	PHẠM CHÂU VIỆT HƯƠNG	1032429800	6,500,000	VCB
51	473038	DƯƠNG HỒ QUỲNH ANH	0781000504036	6,500,000	VCB
52	472904	HOÀNG LÊ VÂN ANH	1032429115	6,500,000	VCB
53	473136	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	1032429417	6,500,000	VCB
54	473102	NGUYỄN GIANG NAM	1032429496	6,500,000	VCB
55	473116	PHƯƠNG ĐỨC HIẾU	1032429261	6,500,000	VCB
56	473021	PHẠM MINH CHÂU	1032429349	6,500,000	VCB
57	473203	TRẦN KHẢI MINH	1032642649	6,500,000	VCB
58	473327	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	1032428711	6,500,000	VCB
59	472911	NGUYỄN KHÁNH HÒA	1032428931	6,500,000	VCB
60	473222	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	1032642697	6,500,000	VCB
61	473303	LÃ VŨ TRÀ MY	1032428957	6,500,000	VCB
62	473410	VŨ HOÀNG MINH ANH	1032642652	3,500,000	VCB
63	473314	PHAN NGỌC NHI	1032429112	3,500,000	VCB
64	473133	NGUYỄN QUỐC DŨNG	1032429498	3,500,000	VCB
65	472916	NGUYỄN TRÂM ANH	1032429409	3,500,000	VCB
66	473305	NGUYỄN THỊ AN BÌNH	1032429128	3,500,000	VCB
67	473036	PHẠM ĐỨC ANH	1032429077	3,500,000	VCB
68	473217	HOÀNG HÀ NGÂN	1032643302	3,500,000	VCB
69	473208	VŨ NGỌC LAM VY	1032642541	3,500,000	VCB
70	473134	TRẦN QUANG THANH	1026133351	3,500,000	VCB
71	473226	ĐỖ THÙY VY THẢO	1032642877	3,500,000	VCB
72	473118	VŨ HÀ BẢO CHÂU	1032428908	3,500,000	VCB
73	473138	PHẠM NGỌC ANH	1032642598	3,500,000	VCB
74	473201	TRẦN ĐỨC MẠNH	1032642716	3,500,000	VCB
75	473317	NGUYỄN HUY ANH	1032645957	3,500,000	VCB
76	472927	VŨ THỊ HỒNG HÀ	1032429294	3,500,000	VCB
77	473130	NGUYỄN THANH THỦY TIÊN	1032646920	3,500,000	VCB
78	473014	NGUYỄN THÁI BÌNH	1032647931	3,500,000	VCB
79	473415	BÙI KIỀU OANH	1032643865	3,500,000	VCB
80	472925	NGUYỄN LƯU THU TRANG	1032429120	3,500,000	VCB
81	472936	TRẦN KHÁNH LINH	1032429320	3,500,000	VCB
82	472902	PHẠM THÙY DƯƠNG	1032429407	3,500,000	VCB
83	472918	BÙI HÀ ANH	1032429388	3,500,000	VCB
84	473332	NGUYỄN THẠCH TRANG ANH	1032429030	3,500,000	VCB
85	473501	PHẠM PHƯƠNG LINH	1032643231	9,500,000	VCB
86	473502	NGUYỄN XUÂN THỊNH	1032642806	9,500,000	VCB
87	473509	NGUYỄN VIỆT BÁCH	1032642889	6,500,000	VCB
88	473547	ĐINH XUÂN PHONG	1032643957	6,500,000	VCB
89	473513	NGUYỄN HÀ CHI	1032642767	6,500,000	VCB
90	473540	PHẠM NHẬT LINH CHI	1032643020	6,500,000	VCB
91	473543	TRƯƠNG CẨM TÚ	1032642597	3,500,000	VCB
92	473558	VÕ THỊ CẨM TÚ	1032643787	3,500,000	VCB

93	473532	ĐINH PHẠM MINH NGHĨA	1032642792	3,500,000	VCB
94	473504	NINH BẢO KỲ	1032642791	3,500,000	VCB
95	473541	TRẦN BÌNH NHI	1032642563	3,500,000	VCB
96	473506	LÊ THỊ MINH HẰNG	1032642947	3,500,000	VCB
97	473529	LÊ QUÝ NHÂN	1032643858	3,500,000	VCB
				498,500,000	

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
Nguyễn Kim Thủy	Phạm Thị Hà	Đoàn Trung Kiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Xác nhận của ngân hàng 04/10/2023